

2. Em hãy viết phiên âm cho chữ Hán hoặc viết chữ Hán cho phiên âm của các từ ngữ dưới đây.

- | | | |
|---------|------------|--------|
| ① 爸爸 ? | ② 妈妈 ? | ③ 呢 ? |
| ④ ? suì | ⑤ ? duō dà | ⑥ ? wǒ |

Em hãy sắp xếp các ô chữ sau theo trật tự đúng.

- | | | | | |
|---|-------|---------|----------|-------|
| ① | jǐ 几 | dìdì 弟弟 | nǐ 你 | sùì 岁 |
| ② | yě 也 | sùì 岁 | wǒ 我 | bā 八 |
| ③ | dōu 都 | sùì 岁 | wǒmen 我们 | bā 八 |

Em hãy sắp xếp các ô chữ sau theo trật tự đúng.

- | | | | |
|---|---------------|-------------|--------------|
| ① | duō dà 多大 | nǐ 你 | yéye 爷爷 |
| ② | bù zhīdào 不知道 | duō dà 多大 | nǎinai 奶奶 |
| ③ | yě 也 | wǒ mama 我妈妈 | sānshíwǔ 三十五 |

1.



2.



3.



4.



5.

